TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31/01/2023.
V/v "Tranh chấp ly hôn ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Phạm Thị Ánh Tuyết**

- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông **Nguyễn Văn Trước**

2. Ông **Lê Minh Toàn**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thế Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Xuân Nga - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 476/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Ngọc D**, sinh năm 1982 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn*: Anh **Bùi Văn Bé B**, sinh năm 1980 (vắng mặt)
Địa chỉ: Số 170/10, ấp P, xã Đ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: vào năm 2001 qua quan biết chị và anh Bùi Văn Bé B đã tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 2004, có đăng ký kết hôn ngày 04/8/2005 tại UBND xã H, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Sau khi kết hôn chị ở chung nhà với cha mẹ chồng, lúc đó chị thường xuyên đi làm bên ngoài, ít ở nhà nên vợ chồng thường bất đồng quan điểm sống.

Đến năm 2011 chị về nhà cha mẹ ruột sống, đến năm 2017 thì anh Bé B đi tù về nên chị có về nhà chồng ở nhưng mấy ngày sau anh Bé B đưa chị về nhà cha ruột và anh chị ly thân cho đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm nhau, bản thân chị rất nhiều lần khắc phục mâu thuẫn vợ chồng để xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng không được. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng gay gắt không thể khắc phục được, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Văn Bé B.

- Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Bùi Dũng Thanh L, sinh ngày 18/10/2011 hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Bé B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

- Bị đơn Bùi Văn Bé B đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng không có bản khai ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ gì.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn Phan Thị Ngọc D có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn Bùi Văn Bé B vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn đã không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Thị Ngọc D.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phan Thị Ngọc D được ly hôn với anh Bùi Văn Bé B.

Về con chung: Giao cháu Bùi Dũng Thanh L, sinh ngày 18/10/2011 cho chị Phan Thị Ngọc D nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Phan Thị Ngọc D phải nộp 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc D khởi kiện về việc xin ly hôn, nuôi con với bị đơn Bùi Văn Bé B có địa chỉ tại xã Đ, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long thụ lý và giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình theo thủ tục sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Phan Thị Ngọc D có đơn xin vắng mặt và bị đơn anh Bùi Văn Bé B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Ngọc D và anh Bùi Văn Bé B kết hôn có đăng ký kết hôn vào ngày 04/8/2005 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An do đó quan hệ hôn nhân là hợp pháp và được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo nguyên đơn trình bày, trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống chị và anh Bé B không còn sống chung với nhau từ năm 2011 đến nay. Tại phiên tòa, chị D xác định không còn tình cảm với anh Bé B, vợ chồng không thể hàn gắn được và chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/12/2022 của bà Lê Thị N là mẹ ruột của anh Bùi Văn Bé B xác định anh Bé B và chị D không còn sống chung với nhau khoảng 10 năm nay nhưng không hàn gắn được, theo bà thấy anh Bé B và chị D không còn tình cảm với nhau.

Theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu nhau, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Xét thấy, từ năm 2011 cho đến nay chị D và anh Bé B không còn sống chung với nhau, không thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng, không quan tâm, chăm sóc nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến tại phiên tòa hôm nay, anh Bé B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên mặc nhiên anh Bé B cũng đã biết được nguyên nhân dẫn đến ly hôn nhưng anh vẫn chưa có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị D.

Vì vậy, có căn cứ để xác định hai bên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu của chị D yêu cầu được ly hôn với anh Bé B là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

- Về con chung: Chị D và anh Bé B có 01 con chung tên Bùi Dũng Thanh L, sinh ngày 18/10/2011 hiện do chị D nuôi dưỡng. Chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, tại biên bản lấy lời khai ngày 06/12/2022 cháu L trình bày hiện cháu đang sống chung với mẹ là Phan Thị Ngọc D, trong trường hợp cha và mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ cháu.

Xét thấy, cháu Lâm hiện đang sống chung với Dung do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống của cháu cũng như dựa trên nguyện vọng của cháu nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của chị D. Giao con chung Bùi Dũng Thanh L cho chị D được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị D không yêu cầu giải quyết và bị đơn anh Bé B vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Buộc chị Phan Thị Ngọc D phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ các Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Ngọc D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phan Thị Ngọc D được ly hôn với anh Bùi Văn Bé B.

2. Về con chung: Giao con chung tên Bùi Dũng Thanh L, sinh ngày 18/10/2011 cho chị Phan Thị Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Bùi Văn Bé B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Buộc chị Phan Thị Ngọc D nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ từ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị D nộp đã nộp theo biên lai thu số 0004286 ngày 03/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long nên chị D không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS nhân dân huyện Long Hồ;
- Chi cục THADS HLH;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Ánh Tuyết